**Mẫu 1**

11/2014/TT-BKHCN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội., ngày 07 tháng 11 năm 2019*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

***1. Tên nhiệm vụ, mã số:***

Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển du lịch gắn với bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu Dự trữ Sinh quyển Kiên Giang

Mã số nhiệm vụ:12/15-ĐTĐL.XH-XHTN

Thuộc: - Chương trình *(tên, mã số chương trình):*

- Khác *(ghi cụ thể)*: Nhiệm vụ KH và CN độc lập cấp quốc gia

***2. Mục tiêu nhiệm vụ***:

Mục tiêu tổng quát: Xác lập được mô hình phát triển du lịch gắn với bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu Dự trữ Sinh quyển Kiên Giang (Khu DTSQ Kiên Giang)

Các mục tiêu cụ thể:

* Xác lập nguyên lý chung xây dựng mô hình và một số mô hình cụ thể phát triển du lịch gắn với bảo tồn đa dạng sinh học ở các địa bàn trọng điểm bảo tồn đa dạng sinh học thuộc Khu DTSQ Kiên Giang, trong đó 02 mô hình ở VQG Phú Quốc và Khu Bảo tồn biển Phú Quốc được vận hành thử nghiệm trong thực tiễn.
* Đề xuất các chính sách và giải pháp nhằm vận hành có hiệu quả mô hình phát triển du lịch gắn với bảo tồn đa dạng sinh học ở Khu DTSQ Kiên Giang.
* Xác lập cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học và hoạt động phát triển du lịch cập nhật đối với Khu DTSQ Kiên Giang.

***3. Chủ nhiệm nhiệm vụ***: PGS.TS. Phạm Trung Lương

***4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ***: Viện Môi trường và Phát triển Bền vững

***5. Tổng kinh phí thực hiện***: 4.500 triệu đồng

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 4.500 triệu đồng

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng

***6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng***:

Bắt đầu: 11/2015

Kết thúc: 10/2018

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền *(nếu có)*: Công văn đồng ý gia hạn thêm 12 tháng (đến ngày 31/10/2019) của Bộ Khoa học Công nghệ số 2736/QĐ-BKHCN, ngày 21/9/2018.

***7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh khoa học, học vị** | **Cơ quan công tác** |
| 1 | Phạm Trung Lương | Phó Giáo sư, Tiến sĩ | Viện Môi trường và Phát triển Bền vững |
| 2 | Võ Trí Chung | Thạc sĩ | Viện Môi trường và Phát triển Bền vững |
| 3 | Phạm Lê Thảo | Tiến sĩ | Tổng cục Du lịch |
| 4 | Hoàng Hoa Quân | Thạc sĩ | Tổng cục Du lịch |
| 5 | Nguyễn Xuân Niệm | Tiến sĩ | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kiên Giang |
| 6 | Đặng Trung Thuận | Giáo sư, Tiến sĩ khoa học | Viện Môi trường và Phát triển Bền vững |
| 7 | Lại Vĩnh Cẩm | Phó Giáo sư, Tiến sĩ | Viện Địa lý, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam |
| 8 | Hồ Thanh Hải | Phó Giáo sư, Tiến sĩ | Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật |
| 9 | Hoàng Văn Thắng | Tiến sĩ | Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN |
| 10 | Nguyễn Thế Chinh | Phó Giáo sư, Tiến sĩ | Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường |
| 11 | Lương Hồng Quang | Phó Giáo sư, Tiến sĩ | Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia |
| 12 | Nguyễn Đức Hoa Cương | Thạc sĩ, NCS | Đại học Hà Nội |
| 13 | Nguyễn Đức Tùng | Thạc sĩ | Viện Môi trường và Phát triển Bền vững |
| 14 | Nguyễn Thanh Hải | Thạc sĩ | BQL Khu Dự trữ Sinh quyển Kiên Giang |
| 15 | Lý Minh Tài | Thạc sĩ | BQL Khu Dự trữ Sinh quyển Kiên Giang |
| 16 | KS. Phạm Văn Giàu | Kỹ sư | BQL Khu Dự trữ Sinh quyển Kiên Giang |
| 17 | Nguyễn Diệp Mai | Tiến sĩ | Sở Văn hóa Thể thao Kiên Giang |

Ngoài ra, các cán bộ tham gia thực hiện đề tài bao gồm:

| **Số TT** | **Họ và tên** | **Chức danh khoa học, học vị** | **Cơ quan công tác** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nguyễn Thị Việt Trâm | Thạc sĩ | Viện Môi trường và Phát triển Bền vững |
| 2 | Phạm Tiến Dũng | Thạc sĩ | Viện Môi trường và Phát triển Bền vững |
| 3 | Nguyễn Thị Bích Hòa | Cử nhân | Viện Môi trường và Phát triển Bền vững |
| 4 | Hoàng Lan Hương | Cử nhân | Viện Môi trường và Phát triển Bền vững |
| 5 | Vũ Thục Hiền | Thạc sĩ | Trung tâm Nghiên cứu và Giáo dục Môi trường, Đại học Sư phạm Hà Nội |
| 6 | Phan Tuấn Anh | Thạc sĩ | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị |
| 7 | Nguyễn Đức Anh | Thạc sĩ | Viện Địa chất, Viện Hàn lâm KHCN VN |
| 8 | Lê Hồng Oanh | Thạc sĩ | Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN |
| 9 | Lại Văn Mạnh | Tiến sĩ | Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường |
| 10 | Trần Thị Kim Hoàn | Thạc sĩ | Trung tâm Sáng kiến Môi trường và Cộng đồng |
| 11 | Nguyễn Văn Tiệp | Kỹ sư | Vườn Quốc gia Phú Quốc |
| 12 | Phạm Hồng Dũng | Thạc sĩ | Vườn Quốc gia Phú Quốc |
| 13 | Phạm Duy | Thạc sĩ | Vườn Quốc gia Phú Quốc |
| 14 | Đặng Minh Lạp | Thạc sĩ | Vườn Quốc gia Phú Quốc |
| 15 | Hồ Văn Phú | Thạc sĩ | Vườn Quốc gia Phú Quốc |
| 16 | Hà Thế Phong | Cử nhân | Khu Bảo tồn biển Phú Quốc |
| 17 | Nguyễn Trung | Kỹ sư | Khu Bảo tồn biển Phú Quốc |
| 18 | Hà Cao Nghĩa | Cử nhân | Khu Bảo tồn biển Phú Quốc |
| 19 | Nguyễn Chi Mai | Cử nhân | Đại học Hà Nội |
| 20 | Hà Tiểu My | Cử nhân | Đại học Hà Nội |

**II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

***1. Về sản phẩm khoa học:***

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | | | **Khối lượng** | | | **Chất lượng** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
| I | Sản phẩm dạng II |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Cơ sở lý luận và thực tiễn của mô hình phát triển du lịch gắn với bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học tại khu dự trữ sinh quyển. Nhãn du lịch sinh quyển |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 2 | Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho xây dựng mô hình phát triển du lịch gắn với bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu Dự trữ Sinh quyển Kiên Giang |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 3 | Tổng quan về khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang, thực trạng phát triển du lịch, mối quan hệ giữa phát triển du lịch với bảo tồn đa dạng sinh học và những vấn đề đặt ra |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 4 | Luận cứ khoa học xác định các hợp phần của mô hình phát triển du lịch gắn với bảo tồn đa dạng sinh học ở Khu DTSQ Kiên Giang |  | x |  |  | x |  | x |  |  |
| 5 | Mô hình, điều kiện, chính sách và giải pháp xây dựng, vận hành mô hình; thử nghiệm vận hành 02 mô hình trong thực tiễn (01 mô hình gắn với Khu Bảo tồn biển Phú Quốc và 01 mô hình gắn với VQG Phú Quốc) và Khung hướng dẫn phát triển du lịch ở Khu DTSQ Kiên Giang |  | x |  |  | x |  | X |  |  |
| 6 | Cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học và hoạt động phát triển du lịch cập nhật đối với Khu DTSQ Kiên Giang |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 7 | Báo cáo tổng kết |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| II | Sản phẩm dạng III |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Bài báo khoa học có nội dung liên quan đến đề tài được đăng trên các tạp chí |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 2 | Sách chuyên khảo |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 3 | Hỗ trợ học viên cao học làm luận văn thạc sĩ và NCS | x |  |  | x |  |  | x |  |  |

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian dự kiến ứng dụng** | **Cơ quan dự kiến ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian ứng dụng** | **Tên cơ quan ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

***2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:***

- Kết quả nghiên cứu đóng góp và việc phát triển lý thuyết và lý luận về khu dự trữ sinh quyển:

Những đóng góp chính bao gồm:

+ Tổng quan những vấn đề lý luận chính về phát triển du lịch, sinh thái và đa dạng sinh học cũng như mối quan hệ giữa phát triển du lịch với bảo tồn đa dạng sinh học.

+ Khái quát lý luận về mối quan hệ giữa phát triển du lịch với bảo tồn đa dạng sinh học dựa trên triết lý “Đất lành chim đậu” để khẳng định *“Bảo tồn cho phát triển - Phát triển* ***phải*** *bảo tồn”* và qua đó đóng góp vào việc điều chỉnh và làm rõ hơn nhận thức về sự khác biệt giữa chức năng của các khu dự trữ sinh quyển là phát triển hài hòa giữa bảo tồn và phát triển với chức năng chính của các khu bảo tồn thiên nhiên là bảo tồn.

+ Xác định rõ những yếu tố tác động đến mối quan hệ giữa phát triển du lịch với bảo tồn đa dạng sinh học, theo đó nhận thức xã hội về vai trò của du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái với bảo tồn; việc thực hiện các nguyên tắc cơ bản về phát triển du lịch xanh với trọng tâm là DLST, sự tham gia của cộng đồng vào phát triển du lịch.

- Kết quả nghiên cứu đóng góp cho thực tiễn:

Bên cạnh những đóng góp về lý thuyết, kết quả nghiên cứu còn có những đóng góp thực tiễn cụ thể, bao gồm:

+ Dựa trên phân tích tác động của các hoạt động phát triển lên đa dạng sinh học tại Khu DTSQ Kiên Giang nói chung, những địa bàn trọng điểm về bảo tồn (05) và các quy định pháp luật hiện nay, đã đề xuất những mô hình phát triển du lịch gắn với bảo tồn đa dạng sinh học với các hợp phần về tổ chức quản lý, hợp phần về sản phẩm du lịch và hợp phần về tổ chức triển khai. Những mô hình đề xuất là có cơ sở khoa học và thực tiễn và có khả năng để có áp dụng trong thực tế nếu được hỗ trợ từ chính quyền để hoàn thiện hạ tầng dịch vụ, tập huấn để nâng cao năng lực quản lý và kỹ năng dịch vụ du lịch.

+ Trong số 05 mô hình cụ thể, đã xây dựng được 02 mô hình vận hành trong điều kiện thực tế. Các bên tham gia mô hình, đặc biệt là cộng đồng và doanh nghiệp du lịch (doanh nghiệp xã hội) đã được chuyên gia quốc tế và các bên tham gia mô hình (chính quyền địa phương, Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phú Quốc và Khu Bảo tồn biển Phú Quốc, cộng đồng người dân và doanh nghiệp du lịch) đánh giá cao tính thực tiễn của mô hình. Những mô hình này đã được doanh nghiệp du lịch sử dụng trong hoạt động kinh doanh với cam kết hợp tác cùng các đối tác khác.

***3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:***

*3.1. Hiệu quả kinh tế*

Các mô hình được sử dụng trọng thực tiễn (mô hình phát triển du lịch sinh thái tại Rạch Tràm – Vườn Quốc gia Phú Quốc và mô hình du lịch sinh thái cộng đồng tại Hòn Rỏi – Khu Bảo tồn biển Phú Quốc) lần đầu tiên được doanh nghiệp (Công ty Red River Tour) đưa vào hoạt động kinh doanh. Điều này đồng nghĩa với việc sẽ không chỉ tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp mà còn có đóng góp phát triển kinh tế của địa phương

*3.2. Hiệu quả xã hội*

Các mô hình được vận hành và sử dụng trong kinh doanh của doanh nghiệp còn đem lại lợi ích cho các bên tham gia, đặc biệt cho cộng đồng vốn còn nghèo ở 2 điểm xây dựng mô hình (ấp Rạch Tràm và ấp Hòn Rỏi). Lần đầu tiên cộng đồng ở những địa phương này có cơ hội có sinh kế mới (dịch vụ lưu trú tại nhà, dịch vụ ăn uống, dịch vụ hướng dẫn, bán hàng lưu niệm cho khách du lịch…) và qua đó tăng thu nhập so với trước đây. Cho dù số lượng các hộ dân tham gia mô hình còn hạn chế do năng lực tài chính và kỹ năng dịch vụ, tuy nhiên kết quả này đã khẳng định tính hiệu quả xã hội mà kết quả thực hiện nhiệm vụ tạo ra. Trong tương lai, khi mô hình được mở rộng và nhân ra tại những điểm có điều kiện tương đồng ở Khu DTSQ Kiên Giang thì hiệu quả này sẽ nhân lên nhiều hơn.

**III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

***1. Về tiến độ thực hiện:*** *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* |  |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* |  |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* |  |

***2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ***:

*- Xuất sắc*

*- Đạt*

*- Không đạt*

Giải thích lý do:

Đề tài đáp ứng đầy đủ về số lượng, khối lượng và chất lượng theo Thuyết minh nhiệm vụ và Hợp đồng.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**  (*Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký*) | **THỦ TRƯỞNG**  **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**  (*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*) |
|  |  |
| **PGS.TS. Phạm Trung Lương** | **GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải** |